

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 230/TTr-SNV ngày 28 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCD CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH**Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân,
tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước
tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo bám sát mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025 và Kế hoạch thực hiện ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tạo chuyển biến đồng bộ, thực chất trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Yêu cầu

a) Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải khả thi, sát với yêu cầu tại các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các cơ quan được giao chủ trì, phân công theo dõi các lĩnh vực cải cách hành chính của tỉnh đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch này nhằm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

d) Tiếp tục thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các chỉ số tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác cải cách hành chính.

II. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao

trách nhiệm giải trình, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

2. Phần đầu đến năm 2025, Chỉ số PAR INDEX đạt từ 90% trở lên, nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

3. Chỉ số SIPAS đạt từ 90% trở lên; Chỉ số khảo sát đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Sở, lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố đạt từ 80% trở lên.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng quy định trên các lĩnh vực theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; các văn bản quy định, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

b) Hoàn thành 100% nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra.

c) Kiểm tra tối thiểu 30% các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ theo đúng thời gian quy định.

đ) Hoàn thành 100% các nội dung, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử, Báo Bình Định, Đài phát thanh và Truyền hình. Tổ chức Hội nghị tập huấn, Hội thi, tọa đàm về cải cách hành chính.

g) Hàng năm, phần đầu có ít nhất 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác cải cách hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc được Trung ương cho phép thí điểm trên địa bàn tỉnh.

h) Tổ chức ít nhất 02 Hội nghị đối thoại/diễn đàn giữa lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. 100% các đề xuất, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư được giải quyết.

2. Cải cách thể chế

a) Thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

b) Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không phù hợp với quy định của Trung ương hoặc không đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành của các cấp chính quyền. Kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cản trở quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) 100% thủ tục hành chính và danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được công bố, công khai đảm bảo theo quy định trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh, website của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. 100% hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ và công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh.

c) Trên 99% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận được giải quyết đúng và sớm hạn. 100% hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn thực hiện việc xin lỗi kịp thời.

d) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Kịp thời ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định của Trung ương. 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo cơ cấu số lượng lãnh đạo theo quy định.

b) Phấn đấu đến năm 2025 giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thường xuyên kiểm tra các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã; 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Thường xuyên rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế theo quy định; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành Bản mô tả công việc/Danh mục vị trí việc làm và khung năng lực cho từng vị trí việc làm và bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm.

b) Tổ chức các kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; nâng hạng công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

c) Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

d) Tăng cường thanh tra việc quản lý công chức, viên chức tại các sở, ngành, địa phương; thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực thi công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

6. Cải cách tài chính công

a) Phần đầu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách hành nước hàng năm của tỉnh. 100% cơ quan đơn vị thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước. Hoàn thành 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

b) 100% các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị.

c) Hàng năm, có ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và tăng dần số lượng các đơn vị tự chủ tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Đến năm 2025, giảm 10% chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh so với năm 2021.

d) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

a) Xây dựng và triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây. 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và 100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

b) 100% hồ sơ công việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được tạo lập và xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

c) Thường xuyên nâng cấp và đẩy mạnh hoạt động của Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Phần đầu tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt tối thiểu 30%; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

d) Phần đầu trên 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến. 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.

8. Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội

a) Chỉ số SIPAS đạt từ 90% trở lên; Chỉ số khảo sát đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Sở, lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố đạt từ 80% trở lên.

b) Phần đầu số vốn thu hút đầu tư năm sau tăng hơn so với năm trước; số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; số vốn đăng ký, thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với năm trước.

c) Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đạt và vượt do Hội đồng nhân dân tỉnh giao

(Kèm theo phụ lục danh mục các nhiệm vụ, giải pháp)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố

a) Người đứng đầu các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải xác định rõ công tác cải cách hành chính là trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số PAR IN DEX và Chỉ số SIPAS cấp tỉnh

b) Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, chủ trì thực hiện cải thiện đối với từng nội dung có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo chỉ tiêu, kết quả đã được xác định.

c) Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong kế hoạch này (lồng ghép trong báo cáo công tác cải cách hành chính) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính và cải cách chế độ công vụ.

d) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng trong công tác tự chấm điểm Chỉ số PAR INDEX của tỉnh; làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

đ) Hàng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục xây dựng, phát triển, vận hành Công thông tin điện tử của tỉnh phù hợp với từng giai đoạn; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính hàng năm theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, theo dõi, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt và theo Kế hoạch này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực đầu tư; đồng thời đẩy mạnh thu hút đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phục vụ cho đầu tư phát triển.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh;

8. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính để tuyên truyền cải cách hành chính và việc thực hiện Kế hoạch này, thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO
KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ CHỈ SỐ SIPAS TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2023-2025**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1.1.	Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% nhiệm vụ CCHC đã đề ra theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.2.	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Các báo cáo của UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.3.	Công tác kiểm tra CCHC		Sở Nội vụ		
1.3.1.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	Tiến hành kiểm tra định kỳ và chuyên đề công tác CCHC tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện đạt từ 30% trở lên		Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.3.2.	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các Đoàn		Các cơ quan, đơn vị, địa	Sở Nội vụ, Văn phòng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		kiểm tra CCHC đã chỉ ra		phương	UBND tỉnh
1.4.	Công tác tuyên truyền CCHC	- Các bài viết về những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, nguyên nhân, tình hình triển khai các nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; các mô hình hay, điển hình tốt trong công tác CCHC trên Cổng thông tin điện tử, Báo Bình Định, Đài phát thanh và Truyền hình - Hội nghị tập huấn CCHC, Hội thi CCHC, tọa đàm CCHC	Sở Thông tin và Truyền thông	- Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh - Đài phát thanh và truyền hình Bình Định, Báo Bình Định.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.5.	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
1.6.	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	- Tham mưu tổ chức Hội nghị, Hội thảo đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với người dân và doanh nghiệp; - Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/điện đàm; - Xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Các sở, ngành liên quan	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, hiệp hội có liên quan
1.7.	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
2.	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
2.1.	Theo dõi thi hành pháp luật		Sở Tư pháp		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	(TDTHPL)				
2.1.1.	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	- Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật - Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật		Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.1.2.	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền		Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.2.	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)		Sở Tư pháp		
2.2.1.	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Kịp thời ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp		Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.2.2.	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL; - Danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý; - Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý;		Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.3.	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	- Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra; - Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
3.1.	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	- 100% TTHC không có quy định trái thẩm quyền (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...) - Có các kiến nghị cải cách TTHC; kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC (nếu có)	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ		Văn phòng UBND tỉnh		
3.2.1.	Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	- Kịp thời ban hành các quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
3.2.2.	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia; - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC của tỉnh và các Website của cơ quan, đơn vị, địa phương - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa các cấp		Văn phòng UBND tỉnh Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
3.2.3.	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	- 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia - 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC của tỉnh		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông		Văn phòng UBND tỉnh		
3.3.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của		Các cơ quan,	Văn phòng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	cấp tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã		đơn vị, địa phương	UBND tỉnh
3.3.2.	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	- Trên 90% TTHC thuộc ngành dọc quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.3.	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	- Đạt 50 TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.4.	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	- Đạt 30 TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC		Văn phòng UBND tỉnh		
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Trên 99% hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		Các cơ quan thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Trên 99% hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp	Trên 99% hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp		UBND các xã,	Văn phòng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		phường, thị trấn	UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.4.4.	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	100% hồ sơ TTHC trễ hẹn thực hiện việc xin lỗi kịp thời trong giải quyết hồ sơ TTHC		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.5.	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	Trên 80% chất lượng giải quyết TTHC của tỉnh được đánh giá đạt mức tốt trở lên		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.5.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh		Văn phòng UBND tỉnh		
3.5.1.	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được giải quyết kịp thời		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3.5.2.	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được công khai trên cổng Dịch vụ công		Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4.1.1.	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện	Kịp thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.1.2.	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	Số lượng lãnh đạo cấp sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện đáp ứng tiêu chí do Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.1.3.	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	- Thực hiện giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 (giai đoạn 2022-2025)		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.2.	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế		Sở Nội vụ		
4.2.1.	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Biên chế hành chính của tỉnh đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao hàng năm		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.2.2.	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng người làm việc được giao hàng năm	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng người làm việc được giao hàng năm		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.3.	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước		Sở Nội vụ		
4.3.1.	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ,	Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ngành ban hành	quyền trong quản lý nhà nước.			
4.3.2.	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã	Tổ chức thực hiện Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
4.3.3.	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra về phân cấp, phân quyền - Các văn bản chứng minh đã xử lý các vấn đề sau kiểm tra		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
5.1.	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		Sở Nội vụ		
5.1.1.	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Ban hành kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.1.2.	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm khi có quy định mới		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.1.3.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm khi có quy định mới		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		Sở Nội vụ		
5.2.1.	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	Việc tuyển dụng công chức tại các CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ		- Sở Nội vụ; - Các cơ quan, đơn vị, địa	Các cơ quan, đơn vị, địa

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		phương theo nhu cầu thực tế của đơn vị	phương
5.2.2.	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nhu cầu thực tế của đơn vị	Sở Nội vụ
5.3.	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý		Sở Nội vụ		
5.3.1.	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.4.	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	100% CCVC chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ
5.5.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		Sở Nội vụ		
5.5.1.	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC		Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.6.	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	- 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thị xã,	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		- 100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ		thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	
6.	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
6.1.	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách				
6.1.1.	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	Phấn đấu thực hiện giải ngân 100% số tiền NSNN phải giải ngân theo Kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
6.1.2.	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN đảm bảo theo quy định	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.1.3.	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Hoàn thành 100% kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được nêu trong các kiến nghị	Sở Tài chính
6.2.	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công		Sở Tài chính		
6.2.1.	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.2.2.	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công - Thực hiện cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu		Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		quốc gia về tài sản công			phương
6.2.3.	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 85% số cơ sở nhà, đất trở lên thuộc thẩm quyền quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý		Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)		Sở Tài chính		
6.3.1.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trong năm		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.3.2.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	- Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.3.3.	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	100% các đơn vị SNCL sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính đảm bảo theo quy định		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
6.3.4.	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	- Thực hiện giảm 10% chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 (giai đoạn 2022-2025)		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
7.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7.1.	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu		Sở Thông tin và truyền thông		
7.1.1.	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.		Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.1.2.	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật - Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ		Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.1.3.	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)		Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.1.4.	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức		Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.2.	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước				
7.2.1.	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh	- 100% các sở, ngành có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên - 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có	Sở Thông tin và truyền thông,	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Thông tin và truyền thông, Sở

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 50% trở lên (Trừ văn bản, hồ sơ mật)			Nội vụ
7.2.2.	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống văn phòng điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và truyền thông,	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Thông tin và truyền thông
7.2.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	- Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định - 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức		Văn phòng UBND tỉnh		
7.3.1.	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	- Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; - Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6		Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.2.	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định		Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.3.	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	- Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC		Các cơ quan, đơn vị, địa	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt tối thiểu 30%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 20% - Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt tối thiểu 15% 		phương	
7.3.4.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Thực hiện 100% số dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
7.3.5.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Trên 80% hồ sơ TTHC của dịch vụ công trực tuyến toàn trình được giải quyết trực tuyến		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
7.3.6.	Thực hiện thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện triển khai được triển khai thanh toán trực tuyến. - 100% TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến - 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai thanh toán trực tuyến được giao dịch thanh toán trực tiếp 		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
8.	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI				
8.1.	Chỉ số hài lòng (SIPAS)				
8.1.1	Việc ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách	<p>1. Cung cấp thông tin về chính sách cho người dân Niết yết công khai, tổ chức tuyên truyền các chính sách mới cho người dân (tại cơ quan, trên đài phát thanh phường/xã, họp tổ dân phố/thôn, đăng tải trên trang thông tin điện tử ...)</p> <p>2. Sự tham gia của người dân vào quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách Tổ chức xin ý kiến người dân đối với các chính sách (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...)</p> <p>3. Chất lượng chính sách Tổ chức tuyên truyền sự phù hợp của các chính sách cho người dân biết và sử dụng (về phát triển kinh tế; khám, chữa bệnh; giáo dục phổ thông; trật tự an toàn xã hội; giao thông đường bộ; điện, nước sinh hoạt; an sinh xã hội ...)</p> <p>4. Kết quả tác động của chính sách Tổ chức tuyên truyền kết quả mang lại của các chính sách góp phần giúp cho kinh tế gia đình, đời sống của người dân ngày càng tốt hơn trong thời gian qua</p>	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Các cơ quan có liên quan

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8.1.2.	Việc cung ứng dịch vụ hành chính công	<p>1. Tiếp cận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa các cấp đáp ứng và phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC; + Bảng hiệu Bộ phận một cửa, bảng niêm yết, thông báo rõ ràng, đầy đủ; + Bố trí đầy đủ ghế ngồi, bàn viết hồ sơ, quạt máy (máy lạnh), nước uống cho người dân, tổ chức; + Trang bị đầy đủ máy tra cứu TTHC, máy scan, máy photocopy - Đa dạng hóa các hình thức cung cấp thông tin về TTHC: Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu để thực hiện khi có nhu cầu. <p>2. TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định về giải quyết TTHC; - Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa TTHC, giảm số lượng giấy tờ, thời gian giải quyết TTHC; - Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, tổ chức thực hiện TTHC toàn trình hoặc một phần, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích khi có nhu cầu giải quyết TTHC; - Định kỳ tổ chức đối thoại với người dân, tổ 	VP UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>chức về TTHC, giải quyết TTHC; thanh tra, kiểm tra việc giải quyết TTHC, quy trình nghiệp vụ của CBCCVC tham gia giải quyết TTHC</p> <p>3. Công chức trực tiếp giải quyết công việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, bố trí CBCCVC có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức tốt, có kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp làm việc tại Bộ phận một cửa - Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn, kỹ năng giao tiếp cho CBCCVC làm việc tại Bộ phận một cửa - Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý kịp thời đối với CBCCVC có thái độ những nhiều, gây khó khăn khi giao tiếp phục vụ người dân, tổ chức đến kiên hệ giải quyết TTHC <p>4. Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng; - Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định. - Thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức đối với những hồ sơ TTHC trễ hẹn - Tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC <p>5. Cơ quan chính quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân</p>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện niêm yết công khai đùng dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức; - Tổ chức tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị và thông báo kết quả xử lý cho người dân, tổ chức; - Công khai đầy đủ những nội dung đã tiếp nhận và xử lý phản ánh nghị của người dân, tổ chức 			
8.2.	Mức độ thu hút đầu tư	Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xúc tiến đầu tư của tỉnh. Phân đấu số vốn thu hút đầu tư năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.	Mức độ phát triển doanh nghiệp				
8.3.1.	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Tham mưu cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích phát triển doanh nghiệp. Phân đấu số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.2.	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xúc tiến đầu tư của tỉnh. Phân đấu số vốn đăng ký của doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.3.3.	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách của tỉnh. Phân đấu thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		năm trước liền kề trên địa bàn tỉnh			
8.4.	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	100% các chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt so với kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư